

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

ông Phạm Tồn

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Quốc S; chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964
- Bà Lương Thị Mỹ H, sinh năm 1988
- Ông Lương Quang T1, sinh năm 1990
- Ông Lương Quang H1, sinh năm 1992
- Ông Nguyễn Vũ N1, sinh năm 1986
- Bà Trương Thị Thùy D, sinh năm 1989
- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố P, phường Q, thành phố Đà Nẵng); đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Người khởi kiện trình bày:** vợ chồng ông Lương Quang T, bà Nguyễn Thị X quản lý sử dụng đất để làm nhà ở năm 1988, diện tích 9.175,5m², loại đất ở và đất vườn, ao cùng thửa với đất ở, thuộc thửa đất số 187 (nay là thửa đất số 03), tờ bản đồ số 61 (nay là tờ bản đồ số 1) tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 diện tích 4.078,8m², loại đất ở 200m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 3.878,8m² theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/6/2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2704/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H; địa điểm: phường A, thành phố T), theo đó thu hồi diện tích 6.430,2m² đất và đã ban hành Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T, bà X để thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án: Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H; địa điểm: phường A, thành phố T).

Tuy nhiên, UBND thành phố T chỉ bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 200m² đất ở tại đô thị và diện tích 3.705,3m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn, ao. Còn diện tích 2.524,9m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa với diện tích đất ở có nhà ở trên đất bị thu hồi không được bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông T. Bởi vì, các lý do như sau:

Thứ nhất: toàn bộ diện tích 9.175,5m² thuộc thửa đất nêu trên được vợ chồng ông T quản lý sử dụng cùng thời điểm, có ranh giới, tứ cận từ khi sử dụng đất đến thời điểm hiện nay không có gì thay đổi, vợ chồng ông T quản lý sử dụng công khai, chính quyền địa phương không có ý kiến gì và UBND thành phố T đã thu hồi diện tích 6.430,2m², nhưng UBND thành phố T xác định diện tích 2.524,9m² là đất do hộ gia đình ông T lấn chiếm đất do UBND phường quản lý và không bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông T là không đúng quy định pháp luật tại Điều 98 và Điều 77 Luật Đất đai năm 2013;

Thứ hai: UBND thành phố T chỉ xác định diện tích 3.705,3m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn, ao và diện tích đất 2.524,9m² là đất trồng cây lâu năm không có nguồn gốc từ đất vườn, ao là không đúng như đã nêu trên (vì cùng thửa);

Thứ ba: nếu diện tích 2.524,9m² đất vợ chồng ông T lấn chiếm do UBND phường A quản lý, thì UBND phường A phải có ý kiến trước đó và diện tích đất này phải khác thửa đất chứ không thể cùng thửa số 3, tờ bản đồ số 1;

Thứ tư: hộ gia đình ông T có 04 cặp vợ chồng cùng chung sống tại thửa đất bị thu hồi và không có nhà ở, đất ở nào khác tại địa phương nhưng chỉ bố trí 02 lô đất tái định cư là không đúng quy định pháp luật và không đúng theo Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh Q sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H)-Địa điểm: phường A, thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lương Quang T - Nguyễn Thị X để thực hiện GPMB dự án: Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H)-Địa điểm: phường A, thành phố T;

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải ban hành lại quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01 tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông T theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại văn bản nêu ý kiến của người bị kiện UBND thành phố T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND phường Q), các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

1. Về quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng dự án: Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H), tại phường A, thành phố T đối với hộ ông Lương Quang T:

Hộ ông Lương Quang T thuộc diện giải tỏa trắng để xây dựng dự án nêu trên.

a. Hồ sơ nguồn gốc sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư (TĐC):

Theo hồ sơ đo đạc giải thửa phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, thì hộ ông Lương Quang T kê khai quản lý sử dụng thửa đất số 03; tờ bản đồ số 01; diện tích 9.175,5m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Diện tích đất thu hồi của hộ ông Lương Quang T là 6.430,2m². Trong đó: Diện tích 3.905,3m² đất đã được cấp giấy CNQSD đất (trong tổng diện tích 4.078,8m² đã được cấp giấy CNQSD đất số AK952427, cấp ngày 31/12/2007 của UBND thành phố T) và diện tích 2.524,9m² đất tăng nằm ngoài giấy CNQSD đất. Cụ thể như sau:

* Đất đã được cấp giấy CNQSD đất diện tích 4.078,8m² (gồm 200m² đất ở và 3.878,8m² đất CLN). Đối chiếu với hồ sơ 60/CP thì diện tích đất này thuộc

thửa đất số 187; tờ bản đồ số 61; diện tích 4.462,6m²; trong đó 200m² đất ở và 4.262,6m² loại đất vườn do ông **Lương Quang T** kê khai.

* Diện tích đất tăng chưa được cấp giấy CNQSD đất. Đối chiếu với hồ sơ 64/CP, 60/CP cụ thể như sau:

+ Diện tích 2.524,9m²; loại đất: CLN, là do hộ ông **Lương Quang T** quản lý, sử dụng. Đối chiếu hồ sơ 64/CP: có thửa đất nhưng không thể hiện số thửa, loại đất, diện tích đất và người kê khai đăng ký, thuộc tờ bản đồ số 35 và có 483,3m² thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 35 (diện tích 3.964m²), loại đất T do ông **Lương Quang T** kê khai.

Theo nội dung biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2021, đây là phần diện tích đất do ông **T** khai hoang trồng cây lâu năm từ trước ngày 01/7/2004 sử dụng đến nay ổn định, không phải là đất rừng trồng sản xuất.

+ Theo hồ sơ đăng ký 60/CP: thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 61, diện tích 2.951,3m² loại đất R.tn.S do UBND phường quản lý.

+ Diện tích tăng so với giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông **Lương Quang T** không nằm trong quỹ đất công ích 5% do phường quản lý.

- Căn cứ Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của **UBND thành phố T** về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (**Làng H sen**); địa điểm: **Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

- Căn cứ Quyết định số 7724/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của **UBND thành phố T** về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Bổ sung), dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (**Làng H sen**); địa điểm: **Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

- Căn cứ Thông báo số 378-TB/TU ngày 17/4/2024 về kết luận của Bí thư thành ủy tại buổi kiểm tra thực địa tiến độ BT-GPMB dự án Trung tâm nuôi dưỡng và chăm sóc người cao tuổi **thành phố T tại phường A**

- Căn cứ Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (**Làng H**), tại **phường A, thành phố T**.

- Căn cứ Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của **UBND thành phố T** về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) **Lương Quang T - Nguyễn Thị X** để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (**Làng H sen**); địa điểm: **Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

- Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của **UBND thành phố T** bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) **Lương Quang T - Nguyễn Thị X** để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (**Làng H sen**); địa điểm: **Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 3.138.702.834 đồng. Trong đó gồm các khoản: Bồi thường về đất, bồi thường về vật kiến trúc, bồi thường cây cối hoa màu, hỗ trợ thu hồi đất vườn ao, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ thuê nhà.

- Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của **UBND thành phố T** về việc Hỗ trợ bổ sung và giao đất ở tái định cư cho hộ ông (bà) **Lương Quang T – Nguyễn Thị X** để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục

(Làng H sen); địa điểm: Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Tổng số tiền hỗ trợ 12.200.000 đồng, trong đó gồm các khoản: Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ thủ tục nơi ở mới:

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND, ngày 04/6/2024 của UBND thành phố T về Bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lương Quang T – bà Nguyễn Thị X với tổng giá trị 153.880.000 đồng (đối với diện tích đất 483,3m²).

Đối với diện tích đất tăng chưa được cấp giấy CNQSD đất còn lại 2.041,6 m², không đủ điều kiện bồi thường.

b. Về chính sách bố trí đất tái định cư:

- Giao 02 lô đất ở tái định cư: Lô số 02 – LK4 và Lô số: 03 – LK4, mặt cắt đường 14,5m, tại Khu dân cư T định cư đường dẫn vào cầu K (giai đoạn 3) mở rộng, phường A, thành phố T, để hộ ông (bà) Lương Quang T - Nguyễn Thị X làm nhà ở tái định cư (theo khoản 2, Điều 40 và Điều 46, Quyết định 42/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q. Áp dụng cơ chế hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất TĐC (100%) giữa đơn giá đất ở TĐC và đơn giá đất ở cụ thể bồi thường nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi. Diện tích đất ở tái định cư vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi phải nộp tiền sử dụng đất theo đơn giá đất ở tái định cư).

Hiện nay, hộ ông (bà) Lương Quang T - Nguyễn Thị X đã nhận Quyết định đất ở tái định cư, nhận bàn giao mốc lô đất ở TĐC tại hiện trường.

c. Hiện nay, hộ ông Lương Quang T đã thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và đất tái định cư vào ngày 02/8/2023, ngày 08/4/2024 và ngày 28/6/2024. Ngày 04/5/2024 hộ ông Lương Quang T thống nhất bàn giao mặt bằng đợt 1 với diện tích 2.922,6m². Tuy nhiên, đến nay phần diện tích còn lại là 3.507,6m² hộ ông Lương Quang T không thống nhất bàn giao mặt bằng.

Vì vậy, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 1702/QĐ- UBND ngày 16/4/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 về việc phê duyệt phương án cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông (bà) Lương Quang T – Nguyễn Thị X.

2. Về quan điểm của UBND thành phố T:

Dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H), tại phường A, thành phố T được UBND thành phố T phê duyệt dự án tại Quyết định số 6530/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 và theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố T được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 thì vị trí thu hồi đất để xây dựng Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H), tại phường A, thành phố T, đảm bảo các căn cứ thu hồi đất quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

- Việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về việc thu hồi đất và Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lương Quang T - Nguyễn Thị X để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H) đảm bảo đúng quy định khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ nội dung nêu trên, UBND thành phố T không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang T. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang T.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thị X, Lương Thị Mỹ H, Lương Quang T1, Lương Quang H1, Nguyễn Vũ N1, Trương Thị Thùy D, Nguyễn Thị N2 thống nhất theo ý kiến của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2024/HC-ST ngày 07/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) quyết định: căn cứ khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 75, khoản 3 và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang T:

- Hủy một phần Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H) – Địa điểm: phường A, thành phố T;

- Buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.041,6m², thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01 tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông Lương Quang T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang T về việc: Hủy Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lương Quang T – Nguyễn Thị X để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H) - địa điểm: phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định tái định cư đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01 tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông Lương Quang T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang T về việc buộc UBND thành phố T bồi thường, hỗ trợ diện tích 2.041,6m² đất cho hộ ông Lương Quang T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 13/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; Đơn kháng cáo của

đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng) và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố T (nay là UBND phường Q) bồi thường, hỗ trợ diện tích 2.041,6m² đất cho hộ ông Lương Quang T, thấy rằng:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện khai nhận theo hồ sơ do đặc giải thừa phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, thì hộ ông Lương Quang T kê khai quản lý sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01, diện tích 9.175,5m², phần diện tích đất bị thu hồi là 6.430,2m², trong đó: diện tích 3.905,3m² đất đã được cấp giấy CNQSD đất (trong tổng diện tích 4.078,8m² đã được cấp giấy CNQSD đất số AK952427, cấp ngày 31/12/2007 của UBND thành phố T) và diện tích 2.524,9m² đất tăng nằm ngoài giấy CNQSD đất. Cụ thể, đất đã được cấp giấy CNQSD đất diện tích 4.078,8m² (gồm 200m² đất ở và 3.878,8m² đất CLN). Đối chiếu với hồ sơ 60/CP thì diện tích đất này thuộc thửa đất số 187; tờ bản đồ số 61; diện tích 4.462,6m²; trong đó 200,0m² đất ở và 4.262,6m² loại đất vườn do ông Lương Quang T kê khai.

[2.2]. Về phần diện tích đất 2.524,9m² bị thu hồi nằm ngoài GCNQSD đất, UBND thành phố T đã thu hồi, bồi thường đối với diện tích 483,3m² theo Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND thành phố T. Đối với phần diện tích đất 2.041,6m² ông Lương Quang T sử dụng ngoài GCNQSD đất, bị thu hồi đất nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 19/3/2024 của UBND phường A bổ sung Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 08/4/2023 (bút lục 121), đối chiếu với hồ sơ 64/CP có thửa đất nhưng không thể hiện số thửa, loại đất, diện tích đất và người kê khai đăng ký thuộc tờ bản đồ số 35 (bút lục 146) diện tích 3.964,0m² loại đất T do ông Lương Quang T kê khai. Theo nội dung Biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2021, đây là phần diện tích đất do ông T khai hoang trồng cây lâu năm từ trước ngày 01/7/2004 sử dụng đến nay ổn định, không phải là đất rừng trồng sản xuất. Theo hồ sơ đăng ký 60/CP thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 61, diện tích 2.951,3m² loại đất R.tn.S do UBND phường đứng tên kê khai (bút lục 142). Diện tích tăng so với giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Lương Quang T không nằm trong quỹ đất công ích 5% do phường quản lý.

Như vậy, ông Lương Quang T được UBND phường A xác nhận sử dụng diện tích đất tăng thêm 2.524,9m², loại đất cây lâu năm, do ông T khai hoang, sử dụng từ trước ngày 01/7/2004, ổn định không có tranh chấp. Tại Sở địa chính khu vực

đô thị (bút lục 140-143) được UBND phường A lập ngày 24/02/2005, Phòng Tài nguyên môi trường và Khoa học công nghệ thị xã T thông qua ngày 16/3/2005, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thông qua ngày 06/4/2005 (sau thời điểm ông T khai hoang, sử dụng đất) hồ sơ 60/CP thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 61, diện tích 2.951,3m² loại đất R.tn.S do UBND phường kê khai. Trường hợp có cơ sở xác định phần diện tích 2.951,3m² là loại đất R.tn.S thì căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 77, khoản 2 Điều 129 Luật Đất đai năm 2013, ông Lương Quang T vẫn đủ điều kiện được bồi thường đối với diện tích đất 2.041,6m² thực tế đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào.

[2.3]. Theo Sơ đồ đất tại Sổ mục kê ruộng đất lập năm 2000 (bút lục 145) không thể hiện có diện tích đất 2.041,6m² loại đất R.tn.S; sơ đồ đất theo hồ sơ 60/CP thể hiện vị trí diện tích đất 2.041,6m² loại đất R.tn.S ở phía nam giáp thửa đất ký hiệu 187 của ông T trong khi Bản đồ ranh giới dự án khu P (Làng H) - phường A cũng không thể hiện có loại đất R.tn.S nên việc người bị kiện cho rằng người khởi kiện lấn chiếm đất do UBND phường quản lý là chưa đủ căn cứ. Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất đối với hộ ông Lương Quang T có nội dung thu hồi diện tích 2.524,9m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc lấn chiếm đất do UBND phường quản lý là không đúng với thực tế sử dụng đất, từ đó không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.041,6m² tăng thêm là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Lương Quang T.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang T, hủy một phần Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phức hợp phúc lợi, giáo dục (Làng H) – Địa điểm: phường A, thành phố T; buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.041,6m², thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01 tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông Lương Quang T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, quan điểm của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện UBND thành phố T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND phường Q, thành phố Đà Nẵng) phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND phường Q, thành phố Đà Nẵng). Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2024/HC-ST ngày 07/8/ 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị kiện **UBND thành phố T** (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là **UBND phường Q**, thành phố Đà Nẵng) phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000295 ngày 09/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT IV - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên